

TƯ TƯỞNG ĐỘC LẬP, TỰ DO CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI THẮNG LỢI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

NGUYỄN VĂN THÔNG *

Tóm tắt: Độc lập, tự do là nội dung cơ bản, là hạt nhân và nền tảng hết sức quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng ấy đã được vận dụng vào thực tiễn cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, không chỉ là động lực, mục tiêu, mà còn là cơ sở của chiến lược tập hợp lực lượng rộng rãi cho thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Bài viết khái quát cơ sở hình thành tư tưởng độc lập, tự do Hồ Chí Minh, khẳng định thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả của quá trình hiện thực hóa tư tưởng độc lập, tự do Hồ Chí Minh gắn với tập hợp lực lượng giải phóng dân tộc.

Từ khóa: Độc lập, tự do; giải phóng dân tộc; tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất Việt Nam đã cống hiến trọn cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Sự nghiệp cách mạng phong phú, sôi động của Người đã để lại cho dân tộc Việt Nam nhiều “di sản” quý báu, trong đó tư tưởng độc lập, tự do là một dấu ấn nổi bật, góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám 1945, đồng thời có giá trị thời đại sâu sắc.

1. Cơ sở hình thành tư tưởng độc lập, tự do Hồ Chí Minh

Đầu thế kỷ XX, trước cảnh nước mất nhà tan, trần trở với vận mệnh đất nước, Nguyễn Ái Quốc đã đi sang phương Tây với “một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học

hành”¹. Với xuất phát điểm ấy, Người đã tìm hiểu vấn đề giải phóng dân tộc một cách thực chất, sát với điều kiện một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Trong hành trình tìm đường giải phóng đồng bào khỏi sự áp bức, bóc lột, Nguyễn Ái Quốc đã đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin. Tư tưởng giải phóng toàn thể nhân dân lao động thuộc địa và thực hiện quyền bình đẳng thực sự giữa các dân tộc trong *Sơ thảo* là sự trả lời đầy thuyết phục cho những vấn đề Nguyễn Ái Quốc đang nung nấu, đang khao khát tìm kiếm. Một chân trời mới được mở ra cho niềm tin và hoạt động của người thanh niên yêu nước đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đi đến kết luận: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”². Cùng với hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh sáng

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 4, tr.187.

² Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 11, tr.30.

* Đại học Hải Phòng.

tạo, phát triển và hoàn thiện những luận điểm về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc trong đó tư tưởng độc lập, tự do là ngọn cờ hiệu triệu, quy tụ, tập hợp lực lượng của toàn dân tộc vào cuộc đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Khi giương cao ngọn cờ độc lập, tự do, Hồ Chí Minh xác định nội dung cốt lõi, quan trọng của vấn đề dân tộc là phát huy sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc chân chính, coi “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”³. Theo Người, trong một nước thuộc địa, mâu thuẫn dân tộc là mâu thuẫn chủ yếu, bao trùm. Do vậy, việc giải quyết mâu thuẫn đó sẽ dẫn đến sự bùng nổ một cuộc cách mạng mang đậm tính dân tộc, với cốt lõi là độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho mọi người. Hơn nữa, muốn giải phóng giai cấp, giải phóng con người, trước tiên phải giải phóng và xoá bỏ ách áp bức dân tộc. Đây chính là cấp độ đầu tiên, nhưng hết sức quan trọng, cần thiết để giải phóng con người và chỉ khi giành được quyền dân tộc trọn vẹn mới triệt để giải phóng được giai cấp. Đặc biệt, sức mạnh tiềm tàng của quần chúng nhân dân ở thuộc địa chỉ có thể khơi dậy và trở thành sức mạnh vĩ đại, hiện thực, khi họ quyết vùng dậy đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân vì độc lập, tự do cho dân tộc mình, vì quyền cơ bản nhất của dân tộc.

Như vậy, độc lập, tự do là tư tưởng cách mạng, là lẽ sống của dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới. Bởi lẽ, độc lập, tự do là tài sản riêng, tự nhiên và thiêng liêng của tất cả các dân tộc và là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh đã đi vào

vấn đề bản chất nhất, cội rễ nhất - độc lập, tự do; độc lập của dân tộc, tự do của nhân dân, của con người.

2. Tư tưởng độc lập, tự do của Hồ Chí Minh gắn với việc tập hợp lực lượng giải phóng dân tộc ở Việt Nam (1930 - 1945)

2.1. Lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn thể dân tộc

Một vấn đề có ý nghĩa sống còn trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là vấn đề tập hợp lực lượng. Ngay từ khi mới ra đời, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên, khi đặt nhiệm vụ dân tộc lên hàng đầu, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thu phục công nhân và nông dân, liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, trung tiểu địa chủ và tư sản bản xứ, thực hiện đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn phong kiến, nhằm hoàn thành mục đích làm cho nước Việt Nam được độc lập, tự do. Trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam lúc đó, Nguyễn Ái Quốc phân biệt rõ thái độ, cũng như đặc điểm của từng bộ phận trong giai cấp tư sản, địa chủ, phong kiến với mục đích lôi kéo những bộ phận có thái độ tích cực về hàng ngũ cách mạng. Nguyễn Ái Quốc chỉ loại trừ một số ít tư sản mại bản, đại địa chủ khi mà quyền lợi gắn chặt với đế quốc, “đã rõ mặt phản cách mạng”. Những bộ phận còn lại có thái độ chưa dứt khoát, “chưa rõ mặt phản cách mạng” vẫn được Nguyễn Ái Quốc chủ trương vận động họ đứng về hàng ngũ cách mạng như “phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản An Nam”⁴. Trong chủ trương tập hợp lực lượng ấy có tính thống nhất biện chứng giữa quan điểm dân tộc với quan điểm giai cấp, thấm đượm

³ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 5, tr.516.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 3, tr.3.

nhân dân, lấy lợi ích cơ bản, lợi ích chung làm điểm tương đồng, Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định thành lập một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, có sức lôi cuốn mạnh mẽ các lực lượng yêu nước, có sức mạnh hiệu triệu đồng bào trong cả nước - đó chính là *Việt Nam Độc lập đồng minh* (gọi tắt là Việt Minh). Việt Minh là tổ chức có nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết các lực lượng toàn dân tộc, quy tụ và dẫn dắt cả dân tộc vùng lên đánh đuổi Nhật - Pháp, giành lấy độc lập, tự do. Ngày 25 - 10 - 1941, Mặt trận Việt Minh chính thức ra Tuyên ngôn, kính cáo với đồng bào quốc dân rằng: “Nguy cơ diệt vong đã bày ra trước mắt. Hiện thời chúng ta chỉ có một con đường mưu sống là đoàn kết thống nhất, đánh đuổi Nhật - Pháp, trừ khử việt gian”⁵. Bản chương trình của Việt Minh chỉ cốt thực hiện hai điều mà toàn thể đồng bào đang mong ước là nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập, dân Việt Nam được sung sướng, tự do. Với nhiệm vụ bao trùm ấy, tổ chức Việt Minh được chỉ đạo thí điểm từ đầu năm 1941 ở Cao Bằng, dần lan toả khắp nông thôn, thành thị, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Việt Minh thực sự trở thành trung tâm tập hợp, đoàn kết các giai cấp, đảng phái chính trị và cá nhân yêu nước trong toàn quốc đứng lên đánh Pháp, đuổi Nhật, trở thành một nhân tố cơ bản, quyết định đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

trinh thần dân tộc, in đậm tư tưởng giải phóng con người khỏi ách nô dịch, bóc lột phi nhân tính của chủ nghĩa thực dân, thực hiện quyền độc lập, quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc cho mỗi con người.

Với tư tưởng tập hợp lực lượng rộng rãi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Hội nghị thành lập Đảng đã quyết định thành lập các đoàn thể quần chúng công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ... nhằm thu nạp tất cả các đoàn thể, các tầng lớp và cá nhân yêu nước, coi họ là lực lượng quan trọng của cách mạng. Ngày 18 - 11 - 1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội Phản đế đồng minh, coi việc đoàn kết toàn dân trong một tổ chức rộng rãi là điều kiện quyết định thắng lợi của cuộc cách mạng.

Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, càng về sau này, nhận thức của Đảng Cộng sản Đông Dương, của những người cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc ngày càng được bổ sung đầy đủ hơn. Văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* (10 - 1936), văn kiện của các Hội nghị Trung ương tháng 11 - 1939, tháng 11 - 1940, tháng 5 - 1941 là sự thấu hiểu quan điểm chỉ đạo chiến lược của Hồ Chí Minh, nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cấp thiết, hàng đầu, tập trung huy động toàn bộ sức mạnh dân tộc vào công cuộc giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do.

Như vậy, trên cơ sở tư tưởng độc lập, tự do, Hồ Chí Minh và Đảng đã phân tích đúng đắn đặc điểm và sắp xếp đúng vị trí của từng giai cấp, lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương, cô lập, làm suy yếu và đi đến đánh đổ chúng.

Sự chuyển hướng kịp thời này đã đáp ứng được nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân đang bị áp bức dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Trên cơ sở nắm vững mục tiêu cao cả, tối thượng là độc lập, tự do, gắn kết lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích thiết thực của các giai cấp, tầng lớp

nhân dân, lấy lợi ích cơ bản, lợi ích chung làm điểm tương đồng, Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định thành lập một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, có sức lôi cuốn mạnh mẽ các lực lượng yêu nước, có sức mạnh hiệu triệu đồng bào trong cả nước - đó chính là *Việt Nam Độc lập đồng minh* (gọi tắt là Việt Minh). Việt Minh là tổ chức có nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết các lực lượng toàn dân tộc, quy tụ và dẫn dắt cả dân tộc vùng lên đánh đuổi Nhật - Pháp, giành lấy độc lập, tự do. Ngày 25 - 10 - 1941, Mặt trận Việt Minh chính thức ra Tuyên ngôn, kính cáo với đồng bào quốc dân rằng: “Nguy cơ diệt vong đã bày ra trước mắt. Hiện thời chúng ta chỉ có một con đường mưu sống là đoàn kết thống nhất, đánh đuổi Nhật - Pháp, trừ khử việt gian”⁵. Bản chương trình của Việt Minh chỉ cốt thực hiện hai điều mà toàn thể đồng bào đang mong ước là nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập, dân Việt Nam được sung sướng, tự do. Với nhiệm vụ bao trùm ấy, tổ chức Việt Minh được chỉ đạo thí điểm từ đầu năm 1941 ở Cao Bằng, dần lan toả khắp nông thôn, thành thị, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Việt Minh thực sự trở thành trung tâm tập hợp, đoàn kết các giai cấp, đảng phái chính trị và cá nhân yêu nước trong toàn quốc đứng lên đánh Pháp, đuổi Nhật, trở thành một nhân tố cơ bản, quyết định đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Như vậy, trên cơ sở tư tưởng độc lập, tự do, Hồ Chí Minh và Đảng đã phân tích đúng đắn đặc điểm và sắp xếp đúng vị trí của từng giai cấp, lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương, cô lập, làm suy yếu và đi đến đánh đổ chúng.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Sđd*, tập 2, tr.459-461.

2.2. Tăng cường đoàn kết cách mạng giải phóng dân tộc ở Đông Dương

Tập hợp lực lượng cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc có hai bình diện: quốc gia và quốc tế. Nếu tranh thủ được sự ủng hộ, liên hiệp hành động của các lực lượng quốc tế, thì sức mạnh của dân tộc sẽ được tăng lên gấp bội. Do vậy, song song với chủ trương tập hợp tối đa sức mạnh dân tộc, Đảng Cộng sản Đông Dương và Hồ Chí Minh đã hết sức quan tâm tới mặt quốc tế của việc tập hợp lực lượng, tranh thủ mở rộng đoàn kết và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho sự nghiệp đấu tranh của nhân dân Việt Nam.

Từ những ngày đầu tiên hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc nhận thức một cách sâu sắc rằng, dù các nước thuộc địa và phụ thuộc có khác nhau về chủng tộc, văn hóa, về trình độ kinh tế... song điểm chung có thể tạo nên sự kết hợp giữa các dân tộc ấy trong phong trào giải phóng dân tộc, đó là nhân dân bản xứ đều bị chủ nghĩa đế quốc bóc lột nặng nề, “chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân”⁶. Do đó, các dân tộc thuộc địa đều nuôi dưỡng một khát khao cháy bỏng: muốn thoát khỏi ách nô lệ, hưởng một nền độc lập, tự do thực sự. Trên tinh thần ấy, trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, Nguyễn Ái Quốc chủ trương: “Ai làm cách mạng trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”⁷ và “trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”⁸.

Nhấn mạnh phải đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, giúp đỡ, ủng hộ lẫn nhau, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới sự đoàn kết với nhân dân các nước láng giềng, Lào, Cao Miên. Các nước láng giềng lân cận này có nhiều yếu tố gần gũi, thuận lợi bảo đảm cho việc đoàn kết, kết hợp sức mạnh với Việt Nam. Đó là phong tục, tập quán, tâm lý, lối sống, điều kiện địa lý... Điều quan trọng là họ có cùng chung kẻ thù xâm lược, có nhu cầu được giải phóng như dân tộc Việt Nam, cùng hướng tới chân trời độc lập, tự do. Đối với các nước Đông Dương, Hồ Chí Minh sớm nhận thấy “đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương dấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến...”⁹. Sự áp bức, bóc lột, đô hộ của thực dân Pháp đã tạo ra cơ sở khách quan để ba nước Đông Dương hợp tác và liên minh với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung vì độc lập, tự do của mỗi nước.

Thấm nhuần tư tưởng ấy, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương (5 - 1941) nhận định: “Những dân tộc sống ở Đông Dương đều chịu dưới ách thống trị của thực dân Pháp - Nhật, cho nên muốn đánh đuổi chúng nó không chỉ dân tộc này hay dân tộc kia mà đủ, phải có một lực lượng thống nhất của tất cả các dân tộc Đông Dương hợp lại”¹⁰. Vì thế, cùng với việc thành lập Việt Nam độc lập đồng minh, Đảng Cộng sản Đông Dương đặt vấn đề thành lập Ai Lao độc lập đồng minh và Cao Miên độc lập đồng minh trên tinh thần tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc, giải

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 1, tr.208.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Sđd*, tập 7, tr.244.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Sđd*, tập 2, tr.4-5.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 1, tr.40.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Sđd*, tập 7, tr.114.

quyết vấn đề độc lập dân tộc trong khuôn khổ từng nước, “sự tự do, độc lập của mỗi dân tộc tùy theo ý muốn của mỗi dân tộc”¹¹. Đó là cách thức hiệu quả làm cho cách mạng và lực lượng cách mạng của ba nước Đông Dương càng gắn bó keo sơn, củng cố hơn nữa quan hệ đoàn kết, dựa vào nhau mà tranh đấu; qua đó, thắng lợi của cách mạng mỗi nước góp phần củng cố thắng lợi của cách mạng Việt Nam và thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng góp phần vào thắng lợi của cách mạng những nước còn lại.

3. Cách mạng Tháng Tám 1945 - hiện thực hóa tư tưởng độc lập, tự do Hồ Chí Minh gắn với tập hợp lực lượng giải phóng dân tộc

Cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của toàn dân bao gồm hai lực lượng cơ bản là lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, trong đó lực lượng quần chúng là đội quân đông đảo nhất quyết định trực tiếp việc xóa bỏ bộ máy chính quyền của giai cấp thống trị, thành lập chính quyền cách mạng.

Ngay từ khi mới ra đời, với Cương lĩnh chính trị đúng đắn, Đảng đã quy tụ lực lượng và sức mạnh của cả dân tộc, làm nên một cao trào cách mạng rộng lớn trong phạm vi cả nước, huy động đông đảo quần chúng tham gia, với những hình thức đấu tranh phong phú đa dạng, làm rung chuyển trận địa của chủ nghĩa thực dân ở nông thôn. Trong thời kỳ 1936 - 1939, tận dụng khả năng hoạt động hợp pháp công khai do hoàn cảnh quốc tế mang lại, Đảng phát động một phong trào dân chủ rộng lớn ở cả thành thị và nông thôn, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp xã hội, với

những hình thức tổ chức và đấu tranh hết sức phong phú, linh hoạt, từ thấp đến cao, nhờ đó một đạo quân chính trị hùng hậu được hình thành, tạo khí thế đấu tranh chính trị rộng lớn chưa từng có khắp cả nước.

Khi Chiến tranh Thế giới lần thứ hai bùng nổ (1939), căn cứ vào sự thay đổi tình hình thế giới và trong nước, Đảng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược. Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được Đảng thông qua ba Hội nghị: Hội nghị Trung ương 6 (11 - 1939), Hội nghị Trung ương 7 (11 - 1940), Hội nghị Trung ương 8 (5 - 1941) thực sự là kim chỉ nam cho mọi hoạt động và có ý nghĩa quyết định cho sự thành công của Cách mạng Tháng Tám.

Từ năm 1940, đội du kích Bắc Sơn ra đời là hình mẫu cho sự ra đời của các đội du kích, lực lượng vũ trang sau này như: đội du kích Ba Tơ, du kích Ngọc Trạo, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Hình thức hoạt động của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là vũ trang tuyên truyền, nghĩa là kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, coi trọng công tác tuyên truyền là chính để hướng tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Thực hiện tư tưởng vũ trang quần chúng cách mạng, xây dựng quân đội nhân dân của Hồ Chí Minh, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân được thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân (5 - 1945), đồng thời lực lượng bán vũ trang gồm các đội du kích, tự vệ và tự vệ chiến đấu được xây dựng ngày càng rộng khắp ở các địa phương. Nhiều căn cứ địa cách mạng đã lần lượt được xây dựng ở miền núi, nông thôn. Sau ngày 9 - 3 - 1945, với lực lượng sẵn có, Đảng đã phát động khởi

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Sđd*, tập 7, tr.114.

nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận, thành lập khu giải phóng Việt Bắc - hình ảnh thu nhỏ của một nước Việt Nam mới.

Cùng với quá trình chuẩn bị lực lượng cách mạng, Đảng đã tích cực chỉ đạo xây dựng và củng cố các căn cứ địa cách mạng. Hội nghị Trung ương 7 của Đảng (11 - 1940) chủ trương thành lập các căn cứ du kích, lấy Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm. Cuối năm 1940, Trung ương Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh lựa chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa cách mạng. Sau khi xây dựng các căn cứ Cao Bằng, Bắc Sơn, Võ Nhai, chỉ trong một thời gian ngắn, đã xây dựng được một vùng căn cứ địa Việt Bắc rộng lớn, bao gồm hầu hết các vùng nông thôn thuộc sáu tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, cùng nhiều chiến khu và căn cứ vũ trang khác như: Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, Yên Bái, Hải Dương, Ninh Bình, Thanh Hoá, Quảng Ngãi... Đây thực sự là những nơi trọng yếu chỉ đạo quá trình xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng, là những trung tâm đầu não lãnh đạo lực lượng khởi nghĩa trên phạm vi toàn quốc.

Đến giữa tháng 8 - 1945, cao trào kháng Nhật cứu nước đã phát triển đến đỉnh điểm. Dưới ngọn cờ độc lập, tự do của Hồ Chí Minh, Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã tạo dựng được một ưu thế về sức mạnh dân tộc, sẵn sàng và quyết tâm vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Nhờ kết hợp chặt chẽ giữa việc xây dựng căn cứ địa ở vùng nông thôn đồng bằng, với việc xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng quân sự cách

mạng, Đảng chuẩn bị tốt về lực lượng khởi nghĩa, cả ở nông thôn và thành thị, để khi thời cơ xuất hiện, nhanh chóng phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước.

Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập, tự do, đặt lợi ích của dân tộc cao hơn hết thảy đã quy tụ được sức mạnh của trí tuệ, bản lĩnh và lòng dân. Chính vì vậy, chỉ trong hai tuần lễ, bằng lực lượng chính trị là chủ yếu, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám giành thắng lợi hoàn toàn.

Kết luận

Xuyên suốt chặng đường cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945, với mục tiêu độc lập, tự do, Hồ Chí Minh đã có những cống hiến to lớn, hình thành khối đại đoàn kết toàn dân tộc đồng thời tạo lập mối quan hệ đoàn kết vững bền giữa các dân tộc bị áp bức vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Tư tưởng độc lập, tự do Hồ Chí Minh là tư tưởng nhất quán và chủ đạo trong toàn bộ hoạt động lý luận và thực tiễn của Người. Tư tưởng ấy có xuất phát điểm vì con người, vì dân tộc, lấy con người, lấy dân tộc làm động lực, mục tiêu. Độc lập, tự do là quy luật phát triển và tồn tại của dân tộc Việt Nam chứa đựng yếu tố giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám 1945 đã hiện thực hóa tư tưởng độc lập, tự do Hồ Chí Minh gắn với tập hợp lực lượng cách mạng Việt Nam trong những năm 1930 - 1945. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập: 2, 3, 7.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 21.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập: 1, 2, 3, 5, 11.